TOÀ ÁN NHÂN DÂN **thành phố T** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 1057/2023/QĐST-HNGĐ	*thành phố T, ngày 14 tháng 4 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 138/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: bà Đỗ Thị T, sinh năm: 1973

Địa chỉ:NH, tổ 9, khu phố Phú Hưng, phường P, thị xã B, tỉnh Bình Phước

Bị đơn: ông Lương Khương K, sinh năm: 1969

Địa chỉ: đường 207, tổ 14, khu phố 4, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 4 năm 2023

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 4 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Bà Đỗ Thị T, sinh năm: 1973

Địa chỉ: NH, tổ 9, khu phố Phú Hưng, phường P, thị xã B, tỉnh B

Và ông Lương Khương K, sinh năm: 1969

Địa chỉ: đường 207, tổ 14, khu phố 4, phường H, thành phố T, Thành phố H

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: có 02 con chung tên Lương Nguyên Kh, sinh ngày 14/4/1998 và Lương Ngọc Tường Th, sinh ngày 17/6/2003 (cả 2 đều đã trưởng thành)

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng bà Đỗ Thị T tự nguyện chịu, được tính cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí bà Đỗ Thị T đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2022/0007888 ngày 06/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T nên hoàn lại cho bà Đỗ Thị T số tiền 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng. Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Giấy chứng nhận kết hôn số 57, quyển số 01 ngày 27/9/1999 do Ủy ban nhân dân phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Đỗ Thị T và ông Lương Khương K không còn giá trị pháp lý

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSNDTP. Thủ Đức;
- CCTHADS TP. Thủ Đức;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Xuân Khê